

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ 1 NĂM 2013**

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Quý 1 năm 2013)</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 03 năm 2013	1 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2013	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2013	5
Thuyết minh báo cáo tài chính	6 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HOÀ  
Đường 1, KCN Biên Hoà 1, P.An Bình – Biên Hòa - Đồng Nai

Mẫu số B 01a-HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**QUÝ I - NĂM 2013**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

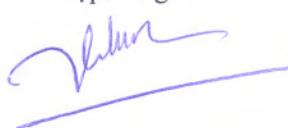
ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			<b>2.802.275.966.002</b>	<b>2.107.835.120.947</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.111.683.655.241</b>	<b>1.454.281.395.972</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>54.955.825.809</b>	<b>98.523.586.210</b>
1. Tiền	111		52.078.925.809	45.446.686.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.876.900.000	53.076.900.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>16.500.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>508.797.027.211</b>	<b>285.117.018.403</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		130.610.960.244	62.877.137.832
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	373.814.610.958	201.581.112.001
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.05	6.551.216.906	22.838.529.467
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.06	(2.179.760.897)	(2.179.760.897)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.266.751.220.656</b>	<b>820.013.485.772</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	1.266.751.220.656	820.013.485.772
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>264.679.581.565</b>	<b>234.127.305.587</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.632.518.413	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		43.179.428.329	18.452.017.267
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		215.867.634.823	215.675.288.320
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>690.592.310.761</b>	<b>653.553.724.975</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>62.245.079.381</b>	<b>53.354.780.087</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	218	V.04	62.245.079.381	53.354.780.087
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	V.08	<b>547.310.768.770</b>	<b>522.038.910.048</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08a	287.306.838.186	308.706.984.454

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		676.513.758.770	676.513.758.770
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(389.206.920.584)	(367.806.774.316)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08b	10.055.744.895	10.570.518.103
- Nguyên giá	228		20.440.816.437	20.440.816.437
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.385.071.542)	(9.870.298.334)
4. Chi phí xây dựng cơ bản	230	V.08c	249.948.185.689	202.761.407.491
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.03	<b>47.502.612.287</b>	<b>43.473.300.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		47.623.985.636	44.527.884.439
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(121.373.349)	(1.054.584.439)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.533.850.323</b>	<b>34.686.734.840</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.546.568.030	15.154.122.740
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		891.822.699	891.822.699
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.826.225.000	2.826.225.000
4. Lợi thế thương mại	269	V.09	15.269.234.594	15.814.564.401
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.802.275.966.002</b>	<b>2.107.835.120.947</b>
(270 = 100 + 200)				
<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>2.802.275.966.002</b>	<b>2.107.835.120.947</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.208.077.488.704</b>	<b>1.535.110.846.435</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.076.682.041.296</b>	<b>1.427.676.197.648</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10a	1.447.435.281.359	995.494.593.762
2. Phải trả cho người bán	312		67.185.288.273	122.735.044.559
3. Người mua trả tiền trước	313		260.360.311.408	14.046.550.963
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.11	20.001.580.509	18.046.576.863
5. Phải trả công nhân viên	315		14.720.650.457	20.314.437.607
6. Chi phí phải trả	316	V.12	21.938.705.963	6.291.988.402
7. Phải trả các đơn vị nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	242.429.939.701	243.728.645.405
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	V.14	2.610.283.626	7.018.360.087
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>131.395.447.408</b>	<b>107.434.648.787</b>
1. Phải trả dài hạn khách hàng	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Nợ dài hạn khác	333		969.440.000	-

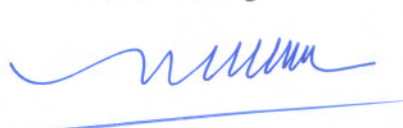
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Vay dài hạn	334	V.10b	130.426.007.408	107.434.648.787
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>594.198.477.298</b>	<b>572.724.274.512</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>	V.15	<b>594.198.477.298</b>	<b>572.724.274.512</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		314.974.590.000	314.974.590.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	39.817.240.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		87.752.273.950	87.752.273.950
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		25.241.483.303	25.241.483.303
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		126.412.890.045	104.938.687.259
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.802.275.966.002</b>	<b>2.107.835.120.947</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>16.410.393.566</b>	<b>13.693.538.693</b>
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		5.258.284.123	215.359.222
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		10.876.024.834	10.876.024.834
5. Ngoại tệ các loại	007		276.084.609	2.602.154.637
USD			12.861,51	21.234,00
EUR			250,00	1.590,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008			

Lập bảng



Đỗ Thị Thùy Tiên

Kế toán trưởng



Võ Công Minh

Ngày .. 08 .. tháng .. 5 .. năm 2013



Nguyễn Văn Lộc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HOÀ  
Đường 1, KCN Biên Hoà 1, P.An Bình – Biên Hòa - Đồng Nai

Mẫu số B 02a-HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**QUÝ I- NĂM 2013**

DVT: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>751.664.312.056</b>	<b>690.900.702.764</b>	<b>751.664.312.056</b>	<b>690.900.702.764</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	492.803.336	382.844.059	492.803.336	382.844.059
+ Chiết khấu thương mại	04		-	-	-	-
+ Giảm giá hàng bán	05		-	-	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	06		43.649.500	-	43.649.500	-
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		449.153.836	382.844.059	449.153.836	382.844.059
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.01</b>	<b>751.171.508.720</b>	<b>690.517.858.705</b>	<b>751.171.508.720</b>	<b>690.517.858.705</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	688.448.706.393	636.439.493.168	688.448.706.393	636.439.493.168
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>62.722.802.327</b>	<b>54.078.365.537</b>	<b>62.722.802.327</b>	<b>54.078.365.537</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12.581.849.047	17.679.265.716	12.581.849.047	17.679.265.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	19.964.434.709	5.659.421.840	19.964.434.709	5.659.421.840
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.299.356.737	7.663.135.093	20.299.356.737	7.663.135.093
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	23.462.718.762	19.219.348.872	23.462.718.762	19.219.348.872
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	3.590.976.926	9.127.205.270	3.590.976.926	9.127.205.270
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>28.286.520.977</b>	<b>37.751.655.272</b>	<b>28.286.520.977</b>	<b>37.751.655.271</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	21.700.000	359.099.107	21.700.000	359.099.107
12. Chi phí khác	32	VI.08	5.000.000	378.384.563	5.000.000	378.384.563
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>16.700.000</b>	<b>(19.285.456)</b>	<b>16.700.000</b>	<b>(19.285.456)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>28.303.220.977</b>	<b>37.732.369.816</b>	<b>28.303.220.977</b>	<b>37.732.369.815</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	6.829.018.191	5.002.023.883	6.829.018.191	5.002.023.883
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>21.474.202.786</b>	<b>32.730.345.932</b>	<b>21.474.202.786</b>	<b>32.730.345.932</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.14e	682	1.091	682	1.091

Lập bảng



Đỗ Thị Thùy Tiên

Kế toán trưởng



Võ Công Minh



Ngày 04 tháng 5 năm 2013

Tổng Giám Đốc

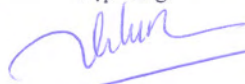
Nguyễn Văn Lộc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)


Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013

Chi tiêu	MS	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>28.303.220.977</b>	<b>37.732.369.816</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>24.096.768.607</b>	<b>21.125.468.417</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02		22.460.249.283	24.923.152.559
- Các khoản dự phòng	03		(933.211.090)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(6.442.513)	2.844.975
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.723.183.810)	(11.302.959.902)
- Chi phí lãi vay	06		20.299.356.737	7.502.430.785
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>52.399.989.584</b>	<b>58.857.838.233</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		224.955.736.574	151.090.262.380
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(446.737.734.884)	73.736.004.773
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(262.823.854.853)	(79.364.701.833)
(Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.024.963.703)	2.990.441.682
- Tiền lãi vay đã trả	13		(20.299.356.737)	(7.502.430.785)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.007.539.018)	(3.170.164.440)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		455.100.000	626.302.204.312
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.836.789.469)	(765.634.861.949)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(475.919.412.506)</b>	<b>57.304.592.373</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.272.520.492)	(1.133.529.582)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	220.000.000
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(65.611.766.800)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	113.143.899.341
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.096.101.197)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	23.794.650.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		781.785.063	5.335.784.381
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.586.836.626)</b>	<b>75.749.037.340</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.330.341.505.176	33.648.066.788
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(855.409.458.958)	(246.691.310.800)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	4.252.820.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>474.932.046.218</b>	<b>(208.790.424.012)</b>
<b>Lưu chuyển thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(43.574.202.914)</b>	<b>(75.736.794.299)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>98.523.586.210</b>	<b>178.778.249.429</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.442.513	(2.844.975)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>54.955.825.809</b>	<b>103.038.610.155</b>

Lập bảng  
  
Đỗ Thị Thủy Tiên

Kế toán trưởng  
  
Võ Công Minh



Đã lập ngày 08 tháng 5 năm 2013  
Tổng Giám Đốc  


Nguyễn Văn Lộc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ I - NĂM 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 03 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Hải Vi tại ngày 31 tháng 03 năm 2012.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16 tháng 5 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 ngày 13 tháng 12 năm 2011.

Công ty có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính và các Chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 07 năm 2009.
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

- Công ty TNHH MTV Biên Hoà - Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900854955 ngày 08 tháng 12 năm 2009 (chưa phát sinh hoạt động).
- Công ty TNHH MTV Hải Vi: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244283-1 đăng ký ngày 29 tháng 07 năm 2010.

**2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến

**3. Ngành nghề kinh doanh** : Các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường.
- Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Dịch vụ vận tải.
- Dịch vụ ăn uống.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại.
- Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất, mua bán cò.
- Dịch vụ: Nông nghiệp (phân bón, máy móc nông nghiệp).
- Trồng trọt: Cây công, nông nghiệp (mía, mì, bắp).

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

**4. Tổng số các Công ty Con : 02**

**5. Công ty Con được hợp nhất :** Công ty TNHH MTV Hải Vi, ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Tỷ lệ lợi ích 100% và quyền biểu quyết 100% tại ngày 31 tháng 03 năm 2010.

Công ty TNHH MTV Biên Hoà - Thành Long: chưa phát sinh hoạt động.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

## ***Hợp nhất kinh doanh***

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Công ty.

## **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 15
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

## 7. Tài sản cố định vô hình

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong khoản thời gian từ 5 đến 20 năm.

## 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Chi phí hỗ trợ đầu tư***

Các khoản chi hỗ trợ trong từng vụ được phân bổ vào chi phí theo tiến độ thu hoạch mía từ 1 đến 2 năm.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

## 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Các ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn bao gồm:

### 15.1 Công ty mẹ:

- Đối với hoạt động sản xuất:
  - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 12 năm kể từ năm 2001 là 15%.
  - Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động thương mại:
  - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 10 năm kể từ năm 2001 là 20%.
  - Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

### 15.2 Công ty con (Công ty TNHH MTV Hải Vi):

- Đối với hoạt động trồng trọt, dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ vận tải của Công ty TNHH Hải Vi: Miễn thuế 3 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2003) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2001 là năm đầu tiên Công ty mẹ hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và thuê thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận theo chuẩn mực.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.824 VND/USD

31/03/2013 : 20.960 VND/USD

## 17. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

## 18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi đầu tư trồng mía là khoản lãi phải thu từ khoản ứng vốn cho nông dân trồng mía được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

## 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1, VIII.2.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐÓ KẾ TOÁN

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	107.214.052	145.714.390
Tiền gửi ngân hàng	51.971.711.757	45.300.971.820
Các khoản tương đương tiền	2.876.900.000	53.076.900.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.955.825.809</b>	<b>98.523.586.210</b>

<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đầu tư ngắn hạn	16.500.000.000	16.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>

<b>3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cổ phiếu	47.623.985.636 (*)	44.527.884.439
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(121.373.349) (**)	(1.054.584.439)
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.502.612.287</b>	<b>43.473.300.000</b>

(\*) Đầu tư dài hạn tại các đơn vị sau:

<i>Chi tiết</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Cty CP giao dịch hàng hóa Sơn Tín	750.000	5,00%	9.000.000.000
Cty CP Đường Ninh Hòa (Mã CK: NHS)	200.460	0,66%	2.787.491.350
Cty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (Mã CK: SEC)	1.820.000	10,46%	35.836.494.286
<b>Tổng cộng</b>			<b>47.623.985.636</b>

(\*\*) Dự phòng giảm giá cổ phiếu:

<i>Chi tiết</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Cty CP Đường Ninh Hòa (Mã CK: NHS)	200.460	(121.373.349)
<b>Tổng cộng</b>		<b>(121.373.349)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>4. Trả trước cho người bán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trả trước cho người bán	373.814.610.958	201.581.112.001
Phải thu dài hạn khác	62.245.079.381	53.354.780.087
<b>Tổng cộng</b>	<b>436.059.690.339 (*)</b>	<b>254.935.892.088</b>

(\*) Bao gồm khoản trả trước cho người bán và khoản phải thu dài hạn là khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	105.505.520.907	165.650.908.796
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	62.245.079.381	53.354.780.087
	<b>167.750.600.288</b>	<b>219.005.688.883</b>

<b>5 Các khoản phải thu khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu khác	6.551.216.906	22.838.529.467

(\*) Chi tiết các khoản phải thu khác:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	3.921.633.640	10.392.474.964
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển phải thu từ nông dân trồng mía	869.945.326	11.568.439.445
Thuế TNCN trả hộ nhân viên	984.197.197	272.237.838
Các khoản phải thu khác	775.440.743	605.377.220
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.551.216.906</b>	<b>22.838.529.467</b>

6 Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 31/03/2013</b>	<b>Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 31/03/2012</b>
Số dư đầu kỳ	(2.179.760.897)	(10.154.767.211)
Tăng dự phòng trong kỳ	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	8.714.823.052
Hoàn nhập	-	155.622.237
Số dư cuối kỳ	<b>(2.179.760.897)</b>	<b>(1.284.321.922)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	3.986.106.057
Nguyên vật liệu	902.510.096.159	519.372.395.143
Công cụ, dụng cụ	13.890.969.377	13.629.171.965
Sản phẩm dở dang	63.794.293.051	178.611.341.207
Thành phẩm sản xuất	285.102.698.884	104.172.566.959
Hàng hóa	1.453.163.185	241.904.441
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>1.266.751.220.656</u></b>	<b><u>820.013.485.772</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b><u>1.266.751.220.656</u></b>	<b><u>820.013.485.772</u></b>

## 8. Tài sản cố định

### a. Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b><u>Nguyên giá</u></b>					
Tại ngày 01/01/2013	116.835.765.807	530.381.577.339	21.692.625.272	7.603.790.352	676.513.758.770
Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>	<b><u>116.835.765.807</u></b>	<b><u>530.381.577.339</u></b>	<b><u>21.692.625.272</u></b>	<b><u>7.603.790.352</u></b>	<b><u>676.513.758.770</u></b>
<b><u>Khấu hao lũy kế</u></b>					
Tại ngày 01/01/2013	77.297.565.385	278.362.231.701	8.264.133.676	3.882.843.554	367.806.774.317
Khấu hao trong năm	2.538.769.700	17.727.275.322	722.242.159	411.859.086	21.400.146.267
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>	<b><u>79.836.335.085</u></b>	<b><u>296.089.507.023</u></b>	<b><u>8.986.375.835</u></b>	<b><u>4.294.702.640</u></b>	<b><u>389.206.920.584</u></b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>					
Tại ngày 01/01/2013	39.538.200.421	252.019.345.638	13.428.491.596	3.720.946.798	308.706.984.453
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>	<b><u>36.999.430.722</u></b>	<b><u>234.292.070.316</u></b>	<b><u>12.706.249.437</u></b>	<b><u>3.309.087.712</u></b>	<b><u>287.306.838.186</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## b. Tài sản cố định vô hình

	<u>Bản quyền Microsoft</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chi phí đền bù, san lấp</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b><u>Nguyên giá</u></b>				
Tại ngày 01/01/2013	933.091.931	14.882.785.128	4.624.939.378	20.440.816.437
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>	<b>933.091.931</b>	<b>14.882.785.128</b>	<b>4.624.939.378</b>	<b>20.440.816.437</b>
<b><u>Khấu hao lũy kế</u></b>				
Tại ngày 01/01/2013	-	6.158.946.457	3.711.351.877	9.870.298.334
Tăng trong kỳ	77.757.660	367.747.656	69.267.892	514.773.208
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>	<b>-</b>	<b>6.158.946.457</b>	<b>3.780.619.769</b>	<b>10.385.071.542</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>				
Tại ngày 01/01/2013	933.091.931	8.723.838.671	913.587.501	10.570.518.103
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>	<b>933.091.931</b>	<b>8.723.838.671</b>	<b>844.319.609</b>	<b>10.055.744.895</b>

## c. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng số chi phí XDCB dở dang	<b>249.948.185.689</b>	<b>202.761.407.491</b>
<i>Trong đó, những dự án lớn:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự án Cụm CBCN Tây Sông Vàm Cỏ	20.656.564.737	20.452.687.250
- Dự án tại Thành Long	-	935.907.608
- Các dự án tại Công ty	16.640.640.981	12.477.971.460
- Các dự án tại nhà máy Tây Ninh	85.377.673.801	61.749.123.346
- Các dự án tại nhà máy Trị An	80.654.203.920	67.463.341.248
- Dự án trồng và sản xuất mía đường tại Vương quốc Campuchia	39.682.376.555	39.682.376.579
- Chi phí sửa chữa lớn	6.936.725.695	-
<b>Cộng</b>	<b>249.948.185.689</b>	<b>202.761.407.491</b>

## 9. Lợi thế thương mại

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010 Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa mua lại 100% vốn của Công ty TNHH MTV Hải Vi.

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại tại ngày mua là 21.813.192.278VND và giá trị lợi thế thương mại này sẽ phân bổ theo đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	<u>Quý 1/2013</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu kỳ	15.814.564.401	17.995.883.629
Phát sinh tăng	-	-
Phân bổ vào chi phí	(545.329.807)	(2.181.319.228)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.269.234.594</b>	<b>15.814.564.401</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 10. Các khoản vay

### a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn (*)	1.411.357.332.270	956.477.480.427
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	36.077.949.089	39.017.113.335
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.447.435.281.359</u></b>	<b><u>995.494.593.762</u></b>

#### (\*) Chi tiết vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	299.010.141.996	299.122.416.178
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp.HCM	277.921.422.274	299.854.914.422
Ngân hàng Chinatrust- TP. HCM	93.652.781.915	65.527.418.493
Ngân hàng HSBC - TP. HCM	129.613.903.950	120.346.203.334
Ngân hàng VIBank - CN Đồng Nai	139.848.000.000	33.710.000.000
Ngân hàng Natixis	62.402.418.435	-
Ngân hàng MB - CN Tp.HCM	100.000.000.000	-
Ngân hàng Hongleong Việt Nam	50.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	70.560.000.000	-
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - CN Biên Hòa	60.000.000.000	-
Ngân hàng ANZ	128.348.663.700	137.916.528.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.411.357.332.270</u></b>	<b><u>956.477.480.427</u></b>

#### (\*\*) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	8.925.750.000	11.901.000.000
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Đồng Nai	3.679.507.322	3.679.507.322
Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Tây Ninh	2.012.970.800	2.012.970.800
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB - CN Đồng Nai	9.412.692.667	4.676.606.913
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	12.047.028.300	16.747.028.300
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>36.077.949.089</u></b>	<b><u>39.017.113.335</u></b>

**b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay dài hạn	130.426.007.408	107.434.648.787
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>130.426.007.408</u></b>	<b><u>107.434.648.787</u></b>
<i>(*) Các khoản vay dài hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	11.891.900.000	11.891.900.000
<i>Ngân hàng NN &amp; PTNT Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	18.397.536.610	18.397.536.610
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Tây Ninh</i>	12.275.425.200	12.275.425.200
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB - CN Đồng Nai</i>	30.472.923.214	9.349.788.705
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	57.388.222.384	55.519.998.272
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>130.426.007.408</u></b>	<b><u>107.434.648.787</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 11. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	11.935.855.900	6.325.797.300
Thuế tiêu thụ đặc biệt	132.550.839	181.140.714
Thuế nhập khẩu	26.092.277	3.416.313
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.989.291.255	11.407.854.074
Thuế thu nhập cá nhân	917.790.238	128.368.462
<b>Tổng cộng</b>	<b><u><u>20.001.580.509</u></u></b>	<b><u><u>18.046.576.863</u></u></b>

## 12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí kiểm toán	240.000.000	240.000.000
Chi phí vận chuyên	2.406.338.419	2.365.675.733
Chi phí sửa chữa lớn	13.727.304.186	-
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.406.861.746
Chi phí lương nhân viên NPP	-	534.619.471
Hỗ trợ trồng mới cho 2 nhà máy	5.365.063.358	-
Chi phí phải trả khác	200.000.000	744.831.452
<b>Tổng cộng</b>	<b><u><u>21.938.705.963</u></u></b>	<b><u><u>6.291.988.402</u></u></b>

## 13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN	892.054.942	150.453.892
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	482.200.000	930.440.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	241.055.684.759	242.647.751.513
<b>Tổng cộng</b>	<b><u><u>242.429.939.701</u></u></b>	<b><u><u>243.728.645.405</u></u></b>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án nhà ở CB CNV - Quận 9	123.539.403	123.539.402
Quỹ tương trợ công nhân	20.926.906.654	15.183.780.818
Cổ tức phải trả	1.650.911.200	1.653.945.100
Vận chuyển và đầu công thu hoạch	1.140.375.027	2.131.902.134
Các khoản phải trả khác	217.213.952.475	223.554.584.059
<b>Tổng cộng</b>	<b><u><u>241.055.684.759</u></u></b>	<b><u><u>242.647.751.513</u></u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quý 01 -2013	Năm 2012
Số dư đầu kỳ	7.018.360.087	16.092.327.357
Tăng trong kỳ	-	4.270.648.883
Giảm trong kỳ	(4.408.076.461)	(13.344.616.153)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.610.283.626</b>	<b>7.018.360.087</b>

## 15. Vốn chủ sở hữu

### a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Tai ngày 01/01/2012</b>	299.975.800.000	39.817.240.000	65.413.962.846	17.795.379.602	125.496.631.095
Tăng trong năm	14.998.790.000	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	119.210.127.630
Chia cổ tức	-	-	-	-	(89.992.740.000)
Trích lập quỹ	-	-	22.338.311.104	7.446.103.701	(34.055.063.688)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(14.998.790.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(721.477.778)
<b>Tai ngày 31/12/2012</b>	<b>314.974.590.000</b>	<b>39.817.240.000</b>	<b>87.752.273.950</b>	<b>25.241.483.303</b>	<b>104.938.687.259</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	21.474.202.786
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tai ngày 31/03/2013</b>	<b>314.974.590.000</b>	<b>39.817.240.000</b>	<b>87.752.273.950</b>	<b>25.241.483.303</b>	<b>126.412.890.045</b>

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Giá trị		Tỷ lệ	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhà nước	33.751.000.000	33.751.000.000	10,72%	10,72%
Đối tượng khác	281.223.590.000	281.223.590.000	89,28%	89,28%
<b>Tổng cộng</b>	<b>314.974.590.000</b>	<b>314.974.590.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## c. Cổ tức

- Số cổ tức đã ứng trong năm 2012 tỷ lệ 15% (44.996.370.000)

## d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>31.497.459</b>	<b>31.497.459</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>31.497.459</b>	<b>31.497.459</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	31.497.459	31.497.459
+ Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>31.497.459</b>	<b>31.497.459</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	31.497.459	31.497.459
+ Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.474.202.786	32.730.345.932
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	31.497.459	29.997.580
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>682</b>	<b>1.091</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Doanh thu bán hàng	749.771.572.301	689.067.680.316
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.892.739.755	1.833.022.448
<b>Tổng cộng</b>	<b>751.664.312.056</b>	<b>690.900.702.764</b>
Các khoản giảm trừ	492.803.336	382.844.059
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>751.171.508.720</b>	<b>690.517.858.705</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Giá vốn bán hàng	687.781.946.373	635.094.720.707
Giá vốn cung cấp dịch vụ	666.760.020	1.344.772.461
<b>Tổng cộng</b>	<b>688.448.706.393</b>	<b>636.439.493.168</b>
<b>3. Doanh thu tài chính</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	373.937.580	4.343.770.603
Lãi từ đầu tư trồng mía	8.362.187.031	11.883.963.993
Doanh thu tài chính khác	3.845.724.436	1.451.531.120
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.581.849.047</b>	<b>17.679.265.716</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Chi phí lãi vay	20.299.356.737	7.663.135.093
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán	(933.211.090)	(2.018.940.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	24.516.948	15.226.747
Chi phí tài chính khác	573.772.114	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.964.434.709</b>	<b>5.659.421.840</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Chi phí nhân viên	5.780.434.122	6.456.474.351
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	120.371.433	1.896.960.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.923.897	235.183.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.470.318.381	7.810.903.052
Chi phí bằng tiền khác	3.698.670.929	2.819.827.292
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.462.718.762</b>	<b>19.219.348.872</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Chi phí nhân viên	5.523.357.456	2.817.843.124
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	217.858.709	526.703.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.093.959.241	144.399.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.097.621.687	545.329.807
Chi phí bằng tiền khác	(4.341.820.167)	3.041.169.657
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.590.976.926</b>	<b>9.127.205.270</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	200.000.000
Thu nhập khác	21.700.000	159.099.107
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.700.000</b>	<b>359.099.107</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Quý 01-2013</b>	<b>Quý 01-2012</b>
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	-	83.935.185
Chi phí khác	5.000.000	294.449.378
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>378.384.563</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## 9. Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế

▪ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

▪ Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

*Đối với hoạt động sản xuất:*

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 12 năm, kể từ năm 2001: 15%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

*Đối với hoạt động thương mại:*

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 10 năm, kể từ năm 2001: 20%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

▪ Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<u>Quý 01-2013</u>	<u>Quý 01-2012</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>28.303.220.977</b>	<b>37.732.369.816</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>28.303.220.977</b>	<b>37.732.369.816</b>
Thuế TNDN phải nộp tạm tính	6.829.018.191	5.002.023.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	<b>6.829.018.191</b>	<b>5.002.023.883</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>21.474.202.786</b>	<b>32.730.345.932</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### VII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động  n toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Đường sản xuất
- + Rượu sản xuất
- + Đường hàng hóa
- + Dịch vụ
- + Khác

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Đường sản xuất	Rượu sản xuất	Hàng hóa	Dịch vụ	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>							
Từ khách hàng bên ngoài	694.172.190	898.308	50.625.768	1.355.610	12.082.808	-	759.134.685
Giữa các bộ phận					7.963.176	(7.963.176)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>694.172.190</b>	<b>898.308</b>	<b>50.625.768</b>	<b>1.355.610</b>	<b>12.082.808</b>	<b>(7.963.176)</b>	<b>751.171.509</b>
<b>Chi phí theo bộ phận</b>							
Chi phí phân bổ trực tiếp	636.042.257	811.899	49.153.434	666.760	10.979.567	(9.205.210)	688.448.706
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>58.129.934</b>	<b>86.408</b>	<b>1.472.334</b>	<b>688.850</b>	<b>1.103.242</b>	<b>1.242.034</b>	<b>62.722.802</b>
Phân bổ chi phí gián tiếp	26.471.088	34.878	2.400	-	545.330	-	27.053.696
<b>Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính (chưa bao gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho)</b>	<b>31.658.846</b>	<b>51.531</b>	<b>1.469.934</b>	<b>688.850</b>	<b>557.912</b>	<b>1.242.034</b>	<b>35.669.107</b>
Dự phòng(+)/ hoàn nhập (-) giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính (bao gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho)</b>	<b>31.658.846</b>	<b>51.531</b>	<b>1.469.934</b>	<b>688.850</b>	<b>557.912</b>	<b>1.242.034</b>	<b>35.669.107</b>
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	12.642.866	(61.017)	12.581.849
Chi phí tài chính	-	-	-	-	20.025.451	(61.017)	19.964.435
Thu nhập/(chi phí) khác	-	-	-	-	16.700	-	16.700
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	28.303.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	6.829.018
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>21.474.203</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

### 1. Các đối tác liên quan gồm có:

Công ty CP Bourbon Tây Ninh

Công ty CP Đường Ninh Hòa

Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công

Công ty con: Công ty TNHH MTV Hải Vi

Tổng Công ty Mía Đường II- Cty TNHH MTV

Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai

### 2. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên liên quan như sau:

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Công ty CP Bourbon Tây Ninh</b>		
Phải thu		
Phải trả	1.279.215.729	7.979.128.344
<b>Cty TNHH MTV Hải Vi</b>		
Phải thu	891.040.000	3.813.196.752
Phải trả	2.458.714.603	441.907.165
<b>Cty Cp Đường Ninh Hòa</b>		
Phải thu	30.505.392.268	-
Phải trả	-	-
<b>Cty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai</b>		
Phải thu	44.948.077.319	-
Phải trả		13.870.201.181
<b>Cty CP Đầu tư Thành Thành Công</b>		
Phải thu	2.177.643.690	-
Phải trả	-	9.363.095.534

### 3. Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

Chi tiết	Quý 01-2013	Quý 01-2012
<b>Công ty CP Bourbon Tây Ninh</b>		
Bán hàng		
Phí đi gia công	748.198.242	
Mua hàng	-	4.989.410.855
<b>Cty TNHH MTV Hải Vi</b>		
Bán hàng		1.808.520.397
Mua hàng	7.963.176.046	10.206.189.731
<b>Cty Cp Đường Ninh Hòa</b>		
Lãi ứng vốn	1.413.444.190	
Mua hàng	108.786.051.922	-
<b>Cty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai</b>		
Lãi ứng vốn	394.294.380	
Mua hàng	138.274.260.941	-
<b>Cty CP Đầu tư Thành Thành Công</b>		
Dịch vụ tư vấn	405.000.000	-
Bán hàng	30.235.739.224	
Mua hàng	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### IX. CÁC SỰ KIỆN VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG KHÁC


#### 1. Kết quả kinh doanh quý 01 năm 2013 so với quý 01 năm 2012:

Kết quả kinh doanh trước thuế	Quý 01-2013	Quý 01-2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(5) = (4)/(3)
- Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	27.370.009.887	35.713.429.816	(8.343.419.929)	-23,36%
- Từ hoạt động đầu tư chứng khoán	933.211.090	2.018.940.000	(1.085.728.910)	-53,78%
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.303.220.977</b>	<b>37.732.369.816</b>	<b>(9.429.148.839)</b>	<b>-24,99%</b>

#### 2. Các nguyên nhân ảnh hưởng chính đến kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2013 so với Quý 1 năm 2012:

- Từ hoạt động sản xuất kinh doanh: lợi nhuận giảm 8,34 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2012, tỷ lệ giảm 23,36%, do các yếu tố sau:
  - Sản lượng đường tiêu thụ Quý 1 năm nay tăng 7.368 tấn tương đương tăng 22,05% làm cho doanh thu tăng 17,69% tương đương tăng 104 tỷ đồng doanh thu so với quý 1 năm 2012.
  - Giá vốn hàng bán sản phẩm đường Quý 1 năm nay tăng 94 tỷ đồng so với năm 2012, tương đương tăng 17,470% so với cùng kỳ năm 2012.
  - Doanh thu hoạt động tài chính Quý 1 năm nay giảm 5,5 tỷ đồng, tương đương giảm 29,28% so với cùng kỳ năm 2012
  - Chi phí tài chính Quý 1 năm nay tăng 14,3 tỷ đồng, tương đương tăng 252,76% so với cùng kỳ năm 2012. Trong đó, chi phí lãi vay Quý 1 năm nay tăng 12,64 tỷ đồng, tương đương tăng 164,90% so với cùng kỳ năm 2012 do Công ty dự trữ đường nguyên liệu phục vụ sản xuất theo kế hoạch năm 2013. Nguyên vật liệu tồn kho tại ngày 31/03/2013 là 902,5 tỷ đồng so với 31/03/2012 là 519,4 tỷ đồng.
  - Chi phí bán hàng Quý 1 năm nay tăng 4,2 tỷ đồng, tương đương tăng 22,08% so với cùng kỳ năm 2012 do chi phí vận chuyển tăng 689 triệu đồng, chi phí kinh doanh marketing tăng 1,809 triệu đồng, chi phí hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi tăng 977 triệu đồng.
  - Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý 1 năm nay giảm 5,5 tỷ đồng, tương đương giảm 64,46% so với cùng kỳ năm 2012
- Từ hoạt động đầu tư chứng khoán: lợi nhuận giảm 53,78% so với cùng kỳ năm 2012:
  - Trong Quý 1 năm 2013 Công ty lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán là 118,5 triệu đồng và hoàn nhập dự phòng là 1.051,8 triệu đồng, trong khi đó Quý 1/2012 Công ty hoàn nhập lại dự phòng 2.018 triệu đồng.

Lập biểu



Đỗ Thị Thủy Tiên

Kế toán trưởng



Võ Công Minh



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lộc